

TOPIC 19: WONDERS OF THE WORLD

I. VOCABULARY

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	Affiliate	v	/ə'filiət/	nhập, liên kết
2	Allegedly	adv	/ə'ledʒɪdli/	được cho là, được coi là
3	Antiquity	n	/æn'tɪkwəti/	đời xưa
4	Archaeological	a	/,ɑ:kɪə'lɒdʒɪkl/	thuộc khảo cổ học
	Archaeology	n	/,ɑ:ki'blədʒi/	khảo cổ học
	Archaeologist	n	/,ɑ:ki'blədʒɪst/	nhà khảo cổ học
5	Authentic	a	/ɔ:'θentɪk/	thật, đích thực
6	Backpacker	n	/'bækpækər/	Tây ba-lô
	Backstabber	n	/'bæk,stæbər/	sự đánh lén, đánh từ phía sau người ngồi
	Backseat driver	n	/,bæk si:t 'draɪvər/	sau nhưng chỉ cách lái xe, chỉ đường
	Backhander	n	/'bækhændə(r)/	cú đánh trái, cửa đứt lót
7	Bombardment	n	/bɒm'bə:dmənt/	sự ném bom oanh tạc
8	Chamber	n	/'tʃeɪmbər/	buồng, phòng; buồng ngủ
9	Chaotic	a	/keɪ'ɒtɪk/	hỗn độn, lộn xộn
10	Citadel	n	/'sɪtədel/	thành lũy, thành quách
11	Cruise	n	/kru:z/	cuộc đi chơi biển
12	Destination	n	/,destɪ'neɪʃn/	điểm đến
	Departure	n	/dɪ'pɑ:rtʃər/	sự khởi hành
13	Dynasty	n	/'dɪnəsti/	triều đại, triều vua
14	Elegance	n	/'elɪgəns	tính thanh lịch, tính tao nhã
15	Empire	n	/'empaɪər/	đế quốc, đế chế
16	Endemic	a	/en'demɪk/	đặc thù
17	Excavation	n	/,ekskə'veɪʃn/	sự khai quật
	Excavate	v	/'ekskəveɪt/	khai quật
	Excavator	n	/'ekskəveɪtər/	người khai quật, máy xúc
18	Feudalism	n	/'fju:dəɪzəm/	chế độ phong kiến
19	Frigid	a	/'frɪdʒɪd/	giá lạnh, lạnh lẽo
20	Glacier	n	/'gleɪʃər/	sông băng
21	Gravestone	n	/'greɪvstəʊn/	bia mộ
22	Grumpily	adv	/'grʌmpɪli/	một cách gắt gỏng, cộc cằn
23	Heritage	n	/'herɪtɪdʒ/	di sản

24	Holy	a	/ˈhəʊli/	linh thiêng, thần thánh
25	Horizon	n	/həˈraɪzn/	chân trời
	Horizontal	a	/ˌhɒrɪˈzɒntl/	thuộc chân trời
26	Idolatry	n	/aɪˈdɒlətri/	sự sùng bái thần tượng
27	Imperial	a	/ɪmˈpiəriəl/	thuộc hoàng đế
28	Insulate	v	/ˈɪnsjələt/	cô lập, cách ly
29	Invasion	n	/ɪnˈveɪʒn/	sự xâm lược
	Invade	v	/ɪnˈveɪd/	xâm lược
30	Landscape	n	/ˈlændskeɪp/	phong cảnh
	Landmark	n	/ˈlændma:k/	cột mốc ranh giới
	Landslide	n	/ˈlændslaid/	sự lở đất
	Landmass	n	/ˈlændmæs/	khu vực đất đai rộng lớn
31	Magnificence	n	/mægˈnɪfɪsns/	vẻ nguy nga, vẻ lộng lẫy
32	Majesty	n	/ˈmædʒəsti/	vẻ oai nghiêm, vẻ oai vệ bệ hạ, đức vua, hoàng hậu
33	Masterpiece	n	/ˈmaːstəpi:s/	kiệt tác
34	Memorial	n	/məˈmɔːriəl/	vật kỉ niệm, tượng kỷ niệm
35	Monument	n	/ˈmɒnjumənt/	đài kỉ niệm
36	Mosaic	a	/məʊˈzeɪk/	được khảm
37	Mosque	n	/mɒsk/	nhà thờ hồi giáo
38	Picturesque	a	/ˌpɪktʃəˈresk/	đẹp như tranh
39	Pillar	n	/ˈpɪlə/	cột trụ
40	Precipitate	v	/priˈsɪpɪteɪt/	kết tủa
41	Priest	n	/priːst/	linh mục
42	Prophecy	n	/ˈprɒfəsi/	sự tiên tri
43	Pyramid	n	/ˈpɪrəˌmɪd/	kim tự tháp
44	Relics	n	/ˈreɪlɪks/	di tích
45	Residence	n	/ˈrezɪdəns/	sự cư trú
46	Rucksack	n	/ˈrʌksæk/	cái ba-lô
47	Scintillating	a	/ˈsɪntɪləɪtɪŋ/	sắc sảo
48	Semantic	a	/sɪˈmæntɪk/	về ngữ nghĩa
49	Skepticism	n	/ˈskeptɪsɪzəm/	thái độ hoài nghi
	Skeptical	a	/ˈskeptɪkəl/	hoài nghi
50	Spectacular	a	/spekˈtækjələ/	ngoạn mục

51	Superstition	n	/ˌsu:pə'stɪʃn/	sự mê tín dị đoan
	Superstitious	a	/ˌsu:pə'stɪʃəs/	mê tín dị đoan
52	Synonymous	a	/sɪ'nɒnɪməs/	đồng nghĩa
53	Timely	a	/ˈtaɪmli/	xảy ra đúng lúc, hợp thời
	Timeless	a	/ˈtaɪmləs/	vô tận, mãi mãi
	Timed	a	/taɪmd/	được ấn định thời gian
54	Wisdom	n	/ˈwɪzdəm/	trí khôn
	Wise	a	/waɪz/	khôn ngoan
55	Wonder	n	/ˈwʌndər/	kì quan

II. STRUCTURES

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	Be famous/well-known for st	nổi tiếng vì cái gì
2	be ringed with st	được bao quanh bởi
3	In ruins: <i>trong tình trạng hư hại, trong tình trạng đổ nát nghiêm trọng</i>	
4	Pay heed to = pay close attention to	chú ý
5	Reach to the horizon	bao la, bát ngát, mênh mông

III. PRACTICE EXERCISES

Exercise 1: Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- Question 1: A. archaeology B. itinerary C. unforgettable D. authenticity
 Question 2: A. religious B. masterpiece C. prestigious D. abundant
 Question 3: A. magnificent B. excursion C. mausoleum D. harmonious
 Question 4: A. cultural B. heritage C. memory D. represent
 Question 5: A. intact B. nightlife C. relic D. complex

Exercise 2: Mark the letter A, B, C, or D indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- Question 6: A. ancient B. concern C. associate D. special
 Question 7: A. spiral B. abundant C. elegance D. landscape
 Question 8: A. raise B. blocks C. museum D. pyramids
 Question 9: A. prepared B. surpassed C. buried D. proposed
 Question 10: A. chamber B. belongings C. tomb D. block

Exercise 3: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Question 11:** One of the seven wonders of the ancient world, the Great Pyramid of Giza was a monument of wisdom and _____ built as a tomb for Pharaoh Cheops in 2720 B.C.

A. prophecy B. superstition C. fanatic D. idolatry

Question 12: The thirteen-acre structure near the Nile River is a solid mass of stone blocks covered with_____.

A. stone B. limestone C. clay D. mud

Question 13: The four sides of the pyramid are aligned almost_____on true north, south, east, and west - an incredible engineering feat.

A. truly B. actually C. positively D. exactly

Question 14: A_____person who travels or hikes carrying their belongings in a rucksack.

A. backpacker B. backstabber C. backseat driver D. backhander

Question 15: While in my heart I can see myself wondering enchanted through China's Forbidden City, in my head I know I would be standing_____at the back of a group listening to some Imperial Palace Tour Guide.

A. enjoyably B. grumpily C. relaxingly D. surprisingly

Question 16: St. Catherine's Monastery Library in Egypt is the first in the world_____in the sixth century.

A. to be built B. built C. to built D. to have built

Question 17: This part of the country is famous_____its beautiful landscapes and fine cuisine.

A. about B. with C. of D. for

Question 18: The top tourist_____in Vietnam, Ha Long Bay features thousands of islands, each topped with thick jungle vegetation, forming a spectacular seascape of limestone pillars.

A. attractiveness B. attraction C. attractive D. attract

Question 19: A rather surprisingly geographical_____of Antarctica is that a huge freshwater lake, one of the world's largest and deepest, lies hidden there under four kilometers of ice.

A. factor B. mark C. feature D. character

Question 20: The only structure to remain intact is the Flag Tower of Hanoi built in 1812 during the Nguyen_____.

A. Feudalism B. Royal C. Empire D. Dynasty

Question 21: The Rock of Gibraltar is one of Europe's most famous_____.

A. landmarks B. landscapes C. landslide D. landmass

Question 22: Of all the natural wonders of the world, few are as_____as Niagara Falls.

A. breathtaking B. spectacular C. picturesque D. scintillating

Question 23: Synonymous with luxury and_____elegance, The Grand Hotel will re-open in December.

A. timely B. time C. timeless D. timing

Question 24: He is scheduled to observe work Saturday at the_____site of an America jet-fighter which crashed in 1967 near Hanoi.

A. excavation B. excavate C. excavator D. excavated

Question 25: After the Mongol invasion of 1241, a _____ was built on the hills opposite the city.

A. citadel B. pyramid C. villa D. palace

Question 26: Take a trip on a(n) _____ Spanish galleon to the famous Papago beach.

A. authentic B. semantic C. mosaic D. chaotic

Question 27: He had devoted his life to the development of the district, so a _____ to him was erected in St Paul's Cathedral.

A. monument B. gravestone C. memorial D. chamber

Question 28: Costa Rica is one of the most beautiful places I have ever visited. Wherever you go, you can see the _____ of volcanoes, some of which are still alive.

A. tops B. heads C. mouths D. ends

Question 29: Sri Lanka has some fantastic beaches - miles after miles of golden sand and _____ water.

A. crystal clear B. crystal clean C. light blue D. navy blue

Question 30: Known as "Ha Long Bay on Land", Trang An Scenic Landscape Complex is famous for its mountains, caves, and archaeological _____

A. excavations B. sites C. relics D. heritages

Question 31: Lying along the Perfume River in Hue City, the Complex of Hue Monuments is a good example of a _____ capital city.

A. well-balanced B. well-designed C. well-built D. well-advised

Question 32: Iceland is full of hot springs, beautifully colored rocks and other natural _____

A. wonder B. wonders C. wonderful D. wonderment

Question 33: The Great Wall of China is considered one of the greatest wonders in the world _____ its magnificence and significance.

A. in spite of B. because C. instead of D. in view of

Question 34: The Seven Wonders of the World is a widely known list of seven popular sites of classical _____.

A. antiquity B. quantity C. quality D. equality

Question 35: One of the most famous statues in the world which stands on an island in New York Harbor is the Statue of _____

A. Liber B. Liberation C. Liberty D. Liberal

Question 36: A visit to the Great Wall will certainly bring tourists great _____ in each step of the wall.

A. excite B. exciting C. excitement D. excited

Question 37: Thong Nhat Conference Hall was _____ built in 1865 and heavily damaged by a bombardment in 1963.

- A. firstly B. eventually C. newly D. mostly

Question 38: Esbjerg is a _____ port for a cyclist's arrival, where tourist information can be obtained and money changed.

- A. capable B. ready C. favorable D. convenient

Question 39: Buckingham Palace, Windsor Castle and the Palace of Holyrood house are the official _____ of the Sovereign and as such, serve as both home and office for the Queen.

- A. venues B. residences C. situations D. occupation

Question 40: In addition to hiking, diving and exploring _____ coastal roads, there are excellent wildlife-watching opportunities, such as the black giant squirrel and endemic bow-fingered gecko.

- A. deserted B. desolated C. unfurnished D. depopulated

Exercise 4: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 41: He prophesied that the present government would only stay four years in office.

- A. affiliated B. precipitated C. terminated D. foretold

Question 42: Within a week on display at the exhibition, the painting was hailed as a masterpiece.

- A. a down-to-earth work of art B. an excellent work of art
C. an expensive work of art D. a large work of art

Question 43: Con Son, the largest of this chain of 15 islands and islets, is ringed with lovely beaches, coral reefs and scenic bays, and remains partially covered in tropical forests.

- A. circled B. covered C. surrounded D. phoned

Question 44: When another old cave is discovered in the south of France, it is not unusual news. Rather, it is an ordinary event. Such discoveries are so frequent these days that hardly anybody pays heed to them.

- A. buys B. watches C. notices D. discovers

Question 45: The thick glacier above Lake Vostok actually insulates it from the frigid temperature on the surface.

- A. rarely recorded B. extremely cold C. never changing D. quite harsh

Question 46: The countryside of Britain is well known for its beauty and many contrasts: it bare mountains and moorland, its lakes, rivers and woods, and its long, often wild coastline.

- A. obvious differences B. clear distinction
C. striking similarities D. various permutations

Question 47: In Ohio, Indianan, Illinoisan and other Midwestern states, field of corns or wheat reach to the horizon and there are many miles between towns.

- A. are limited B. are endless C. are varied D. are horizontal

Question 48: The balance and harmonious blending of various elements contribute to Taj Mahal's unique beauty.

- A. successful B. agreeable C. tasteful D. fitting

Question 49: My Son Sanctuary is a large complex of religious relics comprising more than 70

architectural works such as towers, temples, and tombs.

- A. royal B. precious C. holy D. valuable

Question 50: In addition to exploring the caves and grottos, and seeing its flora and fauna, visitors can also enjoy mountain climbing.

- A. flowers and plants B. plants and animals
C. plants and vegetation D. flowers and grass

Exercise 5: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 51: Paris is the ideal place to learn French; it's a beautiful and hospitable city with Institutions for high quality linguistic teaching.

- A. friendly B. hostile C. affectionate D. noticeable

Question 52: The palace was badly damaged by fire, but was eventually restored to its original splendor.

- A. refurbished B. devastated C. strengthened D. renovated

Question 53: Ha Long Bay has attracted millions of visitors who come to enjoy its brehtaking views and experience other activities.

- A. uninteresting B. heartbreaking C. awe-inspiring D. unforgettable

Question 54: Most of the Imperial Citadel of Thang Long was demolished in the early 20th century.

- A. put out B. pulled down C. put up D. pulled up

Question 55: Taj Mahal is a giant mausoleum of white marble in Agra, India. It is considered to be an outstanding work of art.

- A. noticeable B. attractive C. unexceptional D. significant

Question 56: Recognised as a World Heritage Site in 1983, the Taj Mahal Complex, including the tomb, mosque, guest house, and main gate, has preserved the original qualities of the buildings.

- A. initial B. ancient C. unique D. latest

Question 57: Though built almost five hundred years ago, the church remained practically intact.

- A. in perfection B. in ruins C. in chaos D. in completion

Question 58: The major stone sections of the Citadel of the Ho Dynasty remain intact thanks to the unique construction techniques.

- A. special B. common C. excellent D. ancient

Question 59: The Imperial Citadel of Thang Long was first built during the Ly Dynasty and then expanded by subsequent dynasties.

- A. following B. successive C. preceding D. next

Question 60: The Great Pyramid of Giza is one of the, famous man-made wonders of the world.

- A. artificial B. natural C. modern D. eternal

Exercise 6: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks from 61 to 65.

Japan's Mount Fuji will become a World Heritage Site in June. The United Nations (U.N.) decided on April the 30th to give the famous mountain UNESCO World Heritage [61]_____. The U.N. team that made the decision said Fuji was very important to Japanese religion and art. They also said that the 3,776-meter-high volcano was important outside of Japan too. Fuji-san (as Japanese people call it) has been a [62]_____ mountain for more than 1,000 years. Priests say that when you climb it, you

move from the "everyday world" at the bottom, to the "world of gods, Buddha and death" at the top. They believe people can (63)_____ their sins by climbing to the top and coming back down again.

(64)_____, Mount Fuji is a major tourist destination. It is very popular with hikers, who want to see the rising sun from its peak. More than 318,000 hikers visited the mountain last summer, with up to 15,000 people climbing each day. Local residents are now worried the World Heritage status will mean more visitors. That means there will be more litter and environmental problems. The local government may ask people to pay to climb the mountain to help preserve its (65)_____ Governor Shomei Yokouchi said: "It's likely we'll ask mountain climbers to help financially with keeping the mountain clean." Another idea being talked about is to limit the daily number of hikers allowed to the top.

(Adapted from <https://breakingnewsenglish.com>)

Question 61: A. reputation B. status C. position D. rank

Question 62: A. sacred B. religious C. superstitious D. spiritual

Question 63: A. wash up B. wash down C. wash away D. over

Question 64: A. Therefore B. Moreover C. However D. Yet

Question 65: A. beautify B. beautiful C. beautifully D. beauty

Exercise 7: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 66 to 73.

When Gustave Eiffel's company built Paris' most recognizable monument for the 1889 World's Fair, many regarded the massive iron structure with skepticism. Today, the Eiffel Tower, which continues to serve an important role in television and radio broadcasts, is considered an architectural wonder and attracts more visitors than any other paid tourist attraction in the world.

In 1889, Paris hosted an Exposition Universelle (World's Fair) to mark the 100-year anniversary of the French Revolution. More than 100 artists submitted competing plans for a monument to be built on the Champ-de-Mars, located in central Paris, and serve as the exposition's entrance. The commission was **granted** to Eiffel et Compagnie, a consulting and construction firm owned by the acclaimed bridge builder, architect and metals expert Alexandre-Gustave Eiffel. While Eiffel himself often receives full credit for the monument that bears his name, it was one of his employees - a structural engineer named Maurice Koechlin-who came up with and fine-tuned the concept. Several years earlier, the pair had collaborated on the Statue of Liberty's metal armature.

Eiffel reportedly rejected Koechlin's original plan for the tower, instructing him to add more ornate flourishes. The final design called for more than 18,000 pieces of puddle iron, a type of wrought iron used in construction, and 2.5 million rivets. Several hundred workers spent two years assembling the framework of the iconic lattice tower, which at its inauguration in March 1889 stood nearly 1,000 feet high, and was the tallest structure in the world - a distinction it held until the completion of New York City's Chrysler Building in 1930. In 1957, an antenna was added that increased the structure's height by 65 feet, making it taller than the Chrysler Building but not the Empire State Building, **which** had surpassed its neighbor in 1931. Initially, only the Eiffel Tower's second-floor platform was open to the public; later, all three levels, two of which now feature restaurants, would be reachable by stairway or one of eight elevators.

Millions of visitors during and after the World's Fair marveled at Paris' newly erected architectural wonder. Not all of the city's inhabitants were as enthusiastic, however: Many Parisians either feared it was structurally unsound or considered it an eyesore. The novelist Guy de Maupassant, for example,

allegedly hated the tower so much that he often ate lunch in the restaurant at its base, the only vantage point from which he could completely avoid glimpsing its looming silhouette.

Source: <https://www.history.com/topics/landmarks/eiffel-tower>

Question 66: Which of the following does the passage mainly discuss?

- A. Gustave Eiffel - the engineer of the Tower
- B. Material used in construction of Eiffel Tower
- C. Function of Eiffel Tower
- D. Eiffel Tower and its design

Question 67: According to paragraph 1, what was the reason for the construction of Eiffel Tower?

- A. Paris city needed a recognizable monument for the 1889 World's Fair.
- B. Gustave Eiffel's company wanted to build a massive iron structure.
- C. It was necessary to build a tower for broadcasting television and radio.
- D. The tower was built to attract more visitors to Paris.

Question 68: The word "**granted**" in paragraph 1 is closest in meaning to _____

- A. accepted
- B. awarded
- C. allowed
- D. admitted

Question 69: According to paragraph 2, which of the following is NOT mentioned as Alexandre-Gustave Eiffel's occupation?

- A. Bridge builder
- B. Architect
- C. Structural engineer
- D. Metals expert

Question 70: The word "**which**" in paragraph 4 refers to _____

- A. The Chrysler Building
- B. The Empire State Building
- C. The structure's height
- D. An antenna

Question 71: According to paragraph 3, what was the reason why Gustave Eiffel rejected Koechlin's original plan for the tower?

- A. Gustave Eiffel wanted more decorating details for the design of the tower.
- B. Koechlin's original plan required too much materials.
- C. The plan used the framework of the iconic lattice.
- D. The plan designed a tower that was not high enough.

Question 72: The word "**allegedly**" in the last paragraph can best be replaced by

- A. scholarly
- B. officially
- C. reportedly
- D. expectedly

Question 73: According to the passage, which of the following statements about Eiffel Tower is TRUE?

- A. Alexandre-Gustave Eiffel was the one who came up with and fine-tuned the design of the tower.
- B. The tower was completed in March 1889 stood nearly 1,000 meters high, and was the tallest structure in the world.
- C. Initially, only two platforms of the Eiffel Tower's was open to the public.
- D. Not all of Parisians have optimistic ideas about Eiffel Tower.

KEYS

STT	Đáp án	Giải thích chi tiết đáp án
TRỌNG ÂM		
1	B	A. archaeology /,ɑ:ki'plədʒi/ (n): khảo cổ học (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết

		thứ ba. Vì theo quy tắc đuôi -y làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) B. itinerary /aɪˈtɪnərəri/ (n): kế hoạch về một hành trình (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.) C. unforgettable /ˌʌnfəˈgetəbl/ (a): không thể quên được (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/ và tiền tố un-không làm ảnh hưởng đến trọng âm của từ.) D. authenticity /ˌɔːθenˈtɪsəti/ (n): tính chất xác thực (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc đuôi -y làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) → Đáp án B có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.
2	B	A. religious /rɪˈlɪdʒəs/ (a): về tôn giáo (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ious làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) B. masterpiece /ˈmɑːstəpiːs/ (n): kiệt tác, tác phẩm lớn (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc với danh từ ghép thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) C. prestigious /preˈstɪdʒəs/ (a): rất đáng ngưỡng mộ, có thanh thế [từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ious làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) D. abundant /əˈbʌndənt/ (a): dư thừa (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) → Đáp án B có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
3	C	A. magnificent /mæɡˈnɪfɪsnt/ (a): rất đẹp (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.) B. excursion /ɪkˈskɜːʃn/ (n): chuyến đi (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ion làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) C. mausoleum /mɔːsəˈliːəm/ (n): lăng mộ (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.) D. harmonious /hɑːˈmɒniəs/ (a): hòa hợp, cân đối, du dương, êm ái (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ious làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) → Đáp án C có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
4	D	A. cultural /ˈkʌltʃərəl/ (a): (thuộc về) văn hóa (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) B. heritage /ˈherɪtɪdʒ/ (n): di sản (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) C. memory /ˈmeməri/ (n): trí nhớ (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) D. represent /repriˈzent/ (v): đại diện (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba.) → Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba, các phương án còn lại có trọng âm

		rơi vào âm tiết thứ nhất.	
5	A	A. intact /ɪn'tækt/ (a): còn nguyên vẹn (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc tiền tố in- không làm ảnh hưởng đến trọng âm của từ.) B. nightlife /'naɪtlaɪf/ (n): cuộc sống về đêm (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc danh từ ghép thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu) C. relic /'reɪlɪk/ (n): di tích (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc đuôi -ic làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) D. complex /'kɒmpleks/ (a): phức tạp (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) → Đáp án A có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.	
PHÁT ÂM			
6	B	A. an <u>c</u> ient /'eɪnfənt/ B. con <u>c</u> ern /kən'sɜ:n/	C. asso <u>c</u> iate /ə'soʊʃiət/ D. spec <u>i</u> al /'speʃəl/
7	D	A. spir <u>a</u> l /'spaɪərl/ B. abun <u>d</u> ant /ə'bʌndənt/	C. eleg <u>a</u> nce /'elɪɡəns/ D. landsc <u>a</u> pe /'lændskeɪp/
8	B	A. rais <u>e</u> /reɪz/ B. block <u>s</u> /blɒks/	C. muse <u>u</u> m /mju:'zi:əm/ D. pyramid <u>s</u> /'pɪrəɪmɪdz/
9	B	A. prepar <u>e</u> d /prɪ'peərd/ B. surpass <u>e</u> d /sə'pɑ:st/	C. bur <u>i</u> ed /'berɪd/ D. propos <u>e</u> d /prə'pəʊzɪd/
10	C	A. cham <u>b</u> er /'tʃeɪmbər/ B. bel <u>o</u> ngings /bɪ'lɒŋɪŋz/	C. tom <u>b</u> /tu:m/ D. bl <u>o</u> ck /blɒk/
TỪ VỰNG			
11	A	A. prophecy /'prɒfəsi/ (n): sự tiên tri, sự đoán trước B. superstition /su:pə'stɪʃn/ (n): sự mê tín C. fanatic /fə'nætɪk/ (n): người cuồng tín D. idolatry aɪ'dɒlətri/ (n): sự sùng bái thần tượng Tạm dịch: Một trong bảy kì quan của thế giới cổ xưa, Kim Tự tháp Giza là một đài kỷ niệm về trí thông minh và sự tiên tri được xây dựng như một lăng tẩm dành cho vua Pharaoh vào năm 2720 trước Công nguyên.	
12	B	A. stone /stəʊn/ (n): đá B. limestone /laɪmstəʊn/ (n): đá vôi C. clay /kleɪ/ (n): đất sét D. mud /mʌd/ (n): bùn Tạm dịch: Công trình kiến trúc rộng 13 mẫu gần dòng sông Nile là một khối đá rắn được bao phủ bởi đá vôi.	
13	D	A. truly /'tru:li/ (adv): đúng (nhấn mạnh cái gì đó là đúng) B. actually /'æktʃuəli/ (adv): thực sự (nhấn mạnh cái gì xảy ra trên thực tế) C. positively /'pɒzətɪvli/ (adv): cực kỳ, hết sức, tuyệt đối (nhấn mạnh tính đúng đắn của tuyên bố) D. exactly /ɪg'zæktli/ (adv): chính xác Tạm dịch: Bốn mặt của Kim Tự tháp được sắp xếp thẳng hàng gần như chính xác cả ở bốn hướng Bắc, Nam, Tây, Đông - một công trình xây dựng không thể tin được.	

14	A	A. backpacker /'bæk pækər/: <i>Tây ba-lô</i> B. backstabber /'bæk stæbər/ (n): <i>người đâm sau lưng</i> C. backseat driver /bæk si:t 'draɪvər/ (n): <i>người ngồi sau nhưng chỉ cách lái xe, chỉ đường</i> D. backhander /bæk'hændər/ (n): <i>cú đánh bắt ngờ, của đứt lót</i> Tạm dịch: Một người khách du lịch là người đi hoặc đi bộ mang theo tư trang trong một cái ba lô.
15	B	A. enjoyably /ɪn'dʒɔɪəbli/ (adv): <i>một cách thích thú</i> B. grumpily /'grʌmpəli/ (adv): <i>một cách gắt gỏng, cục cằn</i> C. relaxingly /rɪ'læksɪŋli/ (adv): <i>một cách thư giãn</i> D. surprisingly /sə'praɪzɪŋli/ (adv): <i>một cách đáng ngạc nhiên</i> Tạm dịch: Mặc dù trong tim tôi đã bị mê hoặc bởi Tử cấm Thành của Trung Quốc nhưng trong đầu tôi biết rằng tôi đang đứng thật khó chịu ở sau nhóm người đang lắng nghe hướng dẫn du lịch về một vài cung điện hoàng gia.
16	A	Căn cứ vào "the first" động từ dùng to V (câu mang nghĩa bị động nên ta dùng to be Vp2) Tạm dịch: Thư viện tu viện Thánh Catherine ở Ai Cập là thư viện đầu tiên trên thế giới được xây dựng vào thế kỉ 6.
17	D	Cấu trúc: to be famous for st: <i>nổi tiếng về cái gì</i> Tạm dịch: Phần này của thành phố nổi tiếng về những phong cảnh đẹp và nghệ thuật ẩm thực.
18	B	A. attractiveness /ə'træktɪvnəs/ (n): <i>sự hấp dẫn về ngoại hình</i> B. attraction /ə'trækʃn/ (n): <i>sự thu hút, hấp dẫn</i> C. attractive /ə'træktɪv/ (a): <i>hấp dẫn</i> D. attract /ə'træk/ (v): <i>hấp dẫn</i> Tạm dịch: Là điểm thu hút khách du lịch hàng đầu ở Việt Nam, vịnh Hạ Long bao gồm hàng trăm các quần đảo, mỗi đảo có đỉnh được bao phủ bởi rừng nhiệt đới tạo nên bức tranh biển tuyệt đẹp từ những cột đá vôi.
19	C	A. factor /'fæktər/ (n): <i>nhân tố</i> B. mark /mɑ:k/ (n): <i>điểm số, dấu, nhãn hiệu</i> C. feature /'fi:tʃər/ (n): <i>đặc điểm, đặc trưng</i> D. character /'kærəktər/ (n): <i>tính cách</i> Tạm dịch: Một đặc điểm địa chất đáng ngạc nhiên của Nam Cực là có một hồ nước ngọt lớn, một trong những hồ rộng và sâu nhất thế giới, nằm dưới 4 km băng.
20	D	A. feudalism /'fju:dəlɪzəm/ (n): <i>chế độ phong kiến</i> B. royal /'rɔɪəl/ (n): <i>người trong hoàng tộc; hoàng thân</i> C. empire /'empaɪər/ (n): <i>đế chế, đế quốc</i> D. dynasty /'dɪnəsti/ (n): <i>triều đại</i> Tạm dịch: cấu trúc duy nhất vẫn còn nguyên vẹn là cột cờ Hà Nội cái mà đã được xây vào năm 1812 dưới triều nhà Nguyễn.
21	A	A. landmark /'lændmɑ:k/ (n): <i>dấu mốc, cột mốc</i>

		B. landscape /'lændskeɪp/ (n): <i>phong cảnh</i> C. landslide /'lændslaɪd/ (n): <i>sự lở đất, sự thắng phiếu bầu cử</i> D. landmass /'lændməs/ (n): <i>đại lục, vùng đất lớn</i> Tạm dịch: <i>Đá Gibraltar là một trong những dấu mốc nổi tiếng nhất của châu Âu.</i>
22	B	A. breathtaking /'breθteɪkɪŋ/ (a): <i>tuyệt đẹp</i> B. spectacular /spek'tækjələ/ (a): <i>đẹp mắt, ngoạn mục</i> C. picturesque /'pɪktʃə'resk/ (a): <i>đẹp như tranh</i> D. scintillating /'sɪntɪleɪtɪŋ/ (a): <i>sắc sảo</i> Tạm dịch: <i>Trong những kì quan thiên nhiên của thế giới hiếm có kì quan nào đẹp ngoạn mục như thác Niagara.</i>
23	C	A. timely /'taɪmli/ (a): <i>hợp thời, kịp thời</i> B. time /'taɪm/ (n): <i>thời gian</i> C. timeless /'taɪmləs/ (a): <i>vô tận, mãi mãi</i> D. timing /'taɪmɪŋ/ (n): <i>sự bấm giờ</i> Tạm dịch: <i>Cùng với sự xa xỉ và sự trang nhã bất tận, khách sạn Grand sẽ mở lại vào tháng 12.</i>
24	A	A. excavation /ekska'veɪʃən/ (n): <i>sự khai quật</i> B. excavate /ekska'veɪt/ (v): <i>khai quật</i> C. excavator /'ekska'veɪtər/ (n): <i>nhà khai quật, máy xúc</i> D. excavated /'ekska'veɪtɪd/ (v-ed): <i>khai quật</i> Tạm dịch: <i>Anh ta được lên lịch là giám sát công việc vào ngày thứ bảy tại điểm khai quật một máy bay chiến đấu phản lực của Mỹ cái mà đã rơi xuống vào năm 1967 gần Hà Nội.</i>
25	A	A. citadel /'sɪtədel/ (n): <i>cố đô</i> B. pyramid /'pɪrəməɪd/ (n): <i>Kim Tự tháp</i> C. villa /'vɪlə/ (n): <i>biệt thự</i> D. palace /'pælɪs/ (n): <i>tòa lâu đài</i> Tạm dịch: <i>Sau sự xâm lược của Mông Cổ vào năm 1241 một cố đô đã được xây trên đồi đối diện thành phố.</i>
26	A	A. authentic /ɔ:'θentɪk/ (a): <i>đích thực</i> B. semantic /sɪ'mæntɪk/ (a): <i>thuộc ngữ nghĩa học</i> C. mosaic /məʊ'zeɪk/ (a): <i>thuộc khảm</i> D. chaotic /keɪ'ɒtɪk/ (a): <i>hỗn độn</i> Tạm dịch: <i>Lên chuyến đi trên chiếc thuyền buồm đích thực của Tây Ban Nha tới bãi biển nổi tiếng Papago.</i>
27	A	A. monument /'mɒnjəmənt/ (n): <i>đài kỉ niệm</i> B. gravestone /'greɪvstəʊn/ (n): <i>bia mộ</i> C. memorial /mə'mɔ:riəl/ (a/n): <i>thuộc kỷ niệm, vật kỉ niệm</i> D. chamber /'tʃeɪmbər/ (n): <i>phòng ngủ, buồng ngủ</i> Tạm dịch: <i>Anh ấy đã cống hiến cả cuộc đời cho sự phát triển của quận bởi vậy một đài kỉ niệm dành cho anh ấy đã được dựng lên tại nhà thờ lớn ở phố Paul.</i>
28	A	A. top /tɒp/ (n): <i>đỉnh</i>

		B. head /hed/ (n): đầu C. mouth /maʊθ/ (n): miệng D. end /end/ (n): đầu (dây), sự kết thúc, mục đích Tạm dịch: Costa Rita là một trong những địa điểm đẹp nhất tôi từng ghé thăm. Bất cứ nơi nào bạn đi bạn đều có thể thấy được đỉnh của các ngọn núi lửa, một vài núi lửa thì vẫn đang hoạt động.
29	A	A. crystal clear (a): trong xanh C. light blue (n): màu xanh nhạt D. navy blue (n): màu xanh nước biển Tạm dịch: Sri Lanka có một vài bãi biển tuyệt đẹp - dậm nổi dậm là cát vàng và nước biển trong xanh.
30	C	A. excavation /ekska'veɪʃn/ (n): sự khai quật B. site /saɪt/ (n): vị trí C. relics /'reɪlɪks/ (n): di tích, di vật D. heritage /'herɪtɪdʒ/ (n): di sản Tạm dịch: Được biết đến như là Vịnh Hạ Long trên cạn, quần thể danh thắng Tràng An nổi tiếng với núi, hang động và các di tích khảo cổ học.
31	B	A. well-balanced /wel 'bælənst/ (a): khéo cân bằng B. well-designed /wel dr'zaɪnd/ (a): thiết kế khéo léo C. well-built /wel 'bɪlt/ (a): có thân hình vạm vỡ D. well-advised /wel əd'vaɪzd/ (a): khôn ngoan, thận trọng Tạm dịch: Nằm dọc theo dòng sông Hương ở thành phố Huế, quần thể di tích Huế là một ví dụ điển hình của một cố đô được thiết kế khéo léo.
32	B	A. wonder /'wʌndər/ (n): kì quan B. wonders /'wʌndərz/ (n): những kì quan C. wonderful /'wʌndəfəl/ (a): tuyệt vời D. wonderment /'wʌndəmənt/ (n): sự ngạc nhiên Tạm dịch: Iceland có những mùa xuân tràn ngập ẩm áp, những dãy đá màu sắc tuyệt đẹp và những kì quan thiên nhiên khác.
33	D	A. in spite of: mặc dù B. because: bởi vì C. instead of: thay vì D. in view of: xét về, xét vì Tạm dịch: Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc được coi là một trong những kì quan đẹp nhất thế giới xét về sự tráng lệ và tầm quan trọng của nó.
34	A	A. antiquity /æ'n'tɪkwəti/ (n): di tích cổ B. quantity /'kwɒntəti/ (n): số lượng C. quality /'kwɒnləti/ (n): chất lượng D. equality /i'kwɒnləti/ (n): sự bình đẳng Tạm dịch: Bảy kì quan của thế giới là danh sách được biết đến rộng rãi trong bảy địa điểm nổi tiếng của di tích cổ.
35	C	A. liber /'lɪbə/ (n): cây Libe B. liberation /lɪbə'reɪʃən/ (n): sự giải phóng, phóng thích C. liberty /'lɪbəti/ (n): quyền tự do

		D. liberal /'libərəl/ (a): <i>thuộc tự do</i> Tạm dịch: Bức tượng Nữ thần Tự do đứng trên một hòn đảo ở cảng New York là một trong những tượng nổi tiếng nhất thế giới.
36	C	A. excite /ɪk'saɪt/ (v): <i>kích thích</i> B. exciting /ɪk'saɪtɪŋ/ (a): <i>thích thú</i> C. excitement /ɪk'saɪtmənt/ (n): <i>sự thích thú</i> D. excited /ɪk'saɪtɪd/ (a): <i>bị kích thích</i> Căn cứ vào tính từ "great" nên vị trí trống cần một danh từ nên ta chọn đáp án C. Tạm dịch: Một chuyến thăm tới Vạn Lý Trường Thành chắc chắn sẽ đem lại cho khách du lịch sự thích thú tuyệt vời trong từng bước của tường thành.
37	A	A. firstly /'fɜ:stli/ (adv): <i>đầu tiên</i> B. eventually /ɪ'ventʃuəli/ (adv): <i>cuối cùng</i> C. newly /'nju:li/ (adv): <i>gần đây</i> D. mostly /'məʊstli/ (adv): <i>chủ yếu</i> Tạm dịch: Hội trường Thống Nhất đầu tiên được xây dựng vào năm 1865 và đã bị phá hủy nặng nề bởi vụ ném bom năm 1963.
38	D	A. capable /'keɪpəbəl/ (a): <i>có khả năng</i> B. ready /'redi/ (a): <i>sẵn sàng</i> C. favourable /feɪvərəbəl/ (a): <i>thuận lợi</i> D. convenient /kən'veɪniənt/ (a): <i>thuận tiện</i> Tạm dịch: Cảng Esbjerg là một điểm đến thuận tiện cho người đi xe đạp, nơi có thể lấy thông tin du lịch và đổi tiền.
39	B	A. venue /'venju:z/ (n): <i>nơi gặp gỡ</i> B. residence /'rezɪdəns/ (n): <i>nơi cư trú</i> C. situation /sɪtʃu'eɪʃn/ (n): <i>tình huống</i> D. occupation /ɒkju'peɪʃn/ (n): <i>nghề nghiệp</i> Tạm dịch: Cung điện Buckingham, lâu đài Windsor và cung điện của nhà Holyrood là nơi cư ngụ chính thức của đảng tối cao và nó đóng vai trò như là nhà lẫn văn phòng cho nữ hoàng.
40	A	A. deserted /dɪ'zɜ:tɪd/ (a): <i>bị bỏ rơi, bị bỏ hoang</i> B. desolated /'desəleɪt/ (a): <i>bị tàn phá, hoang vắng</i> C. unfurnished /ʌn'fɜ:nɪʃt/ (a): <i>không được trang bị</i> D. depopulated /di:'pɒpjuleɪt/ (a): <i>giảm dân số</i> Tạm dịch: Bên cạnh việc tàn bộ, lặn và khám phá những con đường ở bờ biển hoang sơ còn có những cơ hội tuyệt vời để quan sát cuộc hoang dã như sóc đen khổng lồ và tắc kè ngón chân cong.
ĐỒNG NGHĨA		
41	D	Tạm dịch: Anh ta đã tiên đoán rằng chính phủ hiện tại sẽ chỉ tồn tại trong vòng 4 năm. → prophesy/'pɒnfəsi/ (v): <i>tiên đoán, đoán trước</i> Xét các đáp án: A. affiliate /ə'fɪliet/ (v): <i>liên kết</i>

		B. precipitate /prɪ'sɪpɪteɪt/ (v): làm gấp, thúc giục C. terminate /'tɜ:mɪneɪt/ (v): kết thúc, dừng lại D. foretell /fɔ:'tel/ (v): báo trước, dự đoán
42	B	Tạm dịch: Trong vòng một tuần được trưng bày ở cuộc triển lãm, bức họa này đã được ca ngợi như là một kiệt tác. → masterpiece/'ma:stəpi:s/ (n): kiệt tác, tác phẩm lớn Xét các đáp án: A. a down-to-earth work of art: một tác phẩm nghệ thuật thực tế B. an excellent work of art: một tác phẩm nghệ thuật cực kỳ xuất sắc C. an expensive work of art: một tác phẩm nghệ thuật rất đắt tiền D. a large work of art: một tác phẩm nghệ thuật lớn
43	C	Tạm dịch: Côn Sơn, hòn đảo lớn nhất trong chuỗi 15 hòn đảo, được bao quanh bởi những bãi biển xinh đẹp, những rạn san hô và những vịnh, và phần còn lại được bao phủ bởi các khu rừng nhiệt đới. → ring /rɪŋ/ (v): bao quanh, vây quanh Xét các đáp án: A. circle /'sɜ:kl/ (v): bao quanh B. cover /'kʌvər/ (v): bao phủ C. surround /sə'reʊnd/ (v): bao vây, bao quanh D. phone /fəʊn/ (v): gọi điện
44	C	Tạm dịch: Khi một hang động cổ khác được phát hiện ở miền Nam của nước Pháp, điều đó không có gì là bất thường cả. Thay vào đó, nó là một sự kiện hết sức bình thường. Những phát hiện như vậy diễn ra rất thường xuyên đến mức hầu như chẳng ai chú ý tới. → pay heed to: chú ý đến Xét các đáp án: A. buy /baɪ/ (v): mua B. watch /wɒtʃ/ (v): xem C. notice /'nəʊtɪs/ (v): chú ý D. discover /dɪ'skʌvər/ (v): phát hiện
45	B	Tạm dịch: Lớp băng dày trên hồ Vostok thực sự bảo vệ cái hồ khỏi nhiệt độ băng giá trên mặt nước. → frigid /'frɪdʒɪd/ (a): lạnh lẽo, băng giá Xét các đáp án: A. rarely recorded: hiếm khi được ghi lại B. extremely cold: cực kì lạnh C. never changing: không bao giờ thay đổi D. quite harsh: khá thô, khá gay gắt
46	A	Tạm dịch: Những vùng nông thôn ở Anh rất nổi tiếng về vẻ đẹp và nhiều điểm khác biệt: núi trọc, đồng hoang, những hồ, sông, rừng; những đường bờ biển kéo dài và hoang sơ. → contrast /'kɒntrə:st/ (n): sự tương phản, khác biệt

		Xét các đáp án: A. obvious difference: <i>sự khác nhau rõ ràng</i> B. clear distinction: <i>sự khác biệt rõ ràng</i> C. striking similarity: <i>sự tương đồng nổi bật</i> D. various permutation: <i>sự hoán vị khác nhau</i>
47	B	Tạm dịch: Ở bang Ohio, Indianan, Illinoisan và những bang khác ở miền Trung Tây, những cánh đồng ngô hoặc lúa mì dài vô tận và các thị trấn cách nhau rất xa. → reach to the horizon: <i>chạm đến chân trời, vô tận</i> Xét các đáp án: A. are limited: <i>bị giới hạn</i> B. are endless: <i>không kết thúc, vô tận</i> C. are varied: <i>đa dạng</i> D. are horizontal: <i>nằm ở chân trời</i>
48	B	Tạm dịch: Sự kết hợp cân bằng và hòa hợp những yếu tố khác nhau đã góp phần tạo nên vẻ đẹp độc đáo cho ngôi đền Taj Mahal. → Harmonious /hɑ: 'məʊniəs/ (a): <i>hòa hợp, cân đối, du dương, êm ái</i> Xét các đáp án: A. successful /sək 'sesfl/ (a): <i>thành công</i> B. agreeable /ə 'gri:əbl/ (a): <i>hợp với, thích hợp</i> C. tasteful / 'teistfl/ (a): <i>hấp dẫn</i> D. fitting / 'fitɪŋ/ (a): <i>phù hợp</i>
49	C	Tạm dịch: Thánh địa Mỹ Sơn là một quần thể di tích tôn giáo bao gồm hơn 70 công trình kiến trúc như những tòa tháp, những ngôi đền, và các lăng mộ. → religious /rɪ 'lɪdʒəs/ (a): <i>về tôn giáo</i> Xét các đáp án: A. royal / 'rɔɪəl/ (a): <i>quý tộc</i> B. precious / 'preʃəs/ (a): <i>quý giá</i> C. holy / 'həʊli/ (a): <i>(thuộc về) tôn giáo</i> D. valuable / 'væljuəbl/ (a): <i>quý giá</i>
50	B	Tạm dịch: Cùng với việc khám phá những hang động, và quan sát những loài động thực vật ở đó, du khách có thể trải nghiệm leo núi. → flora and fauna: <i>động vật và thực vật</i> Xét các đáp án: A. flowers and plants: <i>hoa và thực vật</i> B. plants and animals: <i>thực vật và động vật</i> C. plants and vegetation: <i>thực vật và rau củ</i> D. flowers and grass: <i>hoa và cỏ</i>
TRÁI NGHĨA		
51	B	Tạm dịch: Paris là một nơi lý tưởng để học tiếng Pháp: nó là một thành phố xinh đẹp và hiếu khách với các cơ sở giảng dạy ngôn ngữ đạt chất lượng cao. → hospitable /hɒ 'spɪtəbl/ (a): <i>hiếu khách</i> Xét các đáp án:

		A. friendly /'frendli/ (a): thân thiện B. hostile /'hɒstail/ (a): thù địch C. affectionate /ə'fekʃənət/ (a): âu yếm, có tình cảm D. noticeable /'nəʊtɪsəbl/ (a): đáng chú ý, dễ nhận thấy
52	B	Tạm dịch: Cung điện này đã bị phá hủy nghiêm trọng bởi đám cháy, nhưng cuối cùng cũng đã được phục hồi lại vẻ đẹp tráng lệ ban đầu. → restore /rɪ'stɔ:(r)/ (v): sửa chữa lại, phục hồi lại Xét các đáp án: A. refurbish /,ri:'fɜ:bɪʃ/ (v): tân trang lại B. devastate /'devəsteɪt/ (v): tàn phá, phá hủy C. strengthen /'streŋθn/ (v): làm mạnh D. renovate /'renəveɪt/ (v): cải tiến, đổi mới
53	A	Tạm dịch: Vịnh Hạ Long đã thu hút hàng triệu lượt khách du lịch, những người mà đến đó để tận hưởng những cảnh đẹp ngoạn mục và trải nghiệm những hoạt động khác. → breathtaking /'breθteɪkɪŋ/ (a): hấp dẫn, ngoạn mục Xét các đáp án: A. uninteresting /ʌn'ɪntrəstɪŋ/ (a): không thú vị B. heartbreaking /'hɑ:tbreɪkɪŋ/ (a): làm đau lòng C. awe-inspiring /'ɔ: ɪnspaiəɪŋ/ (a): gây kinh hoàng D. unforgettable /,ʌnfə'getəbl/ (a): không thể quên, khó quên
54	C	Tạm dịch: Phần lớn Hoàng thành Thăng Long đã bị phá hủy vào đầu thế kỷ 20. → demolish /dɪ'mɒlɪʃ/ (v): phá hủy Xét các đáp án: A. put out: dập tắt B. pull down (sth): kiếm (tiền,...), phá hủy C. put up: dựng lên D. pull up: đậu xe
55	C	Tạm dịch: Taj Mahal là một lăng mộ khổng lồ bằng đá cẩm thạch trắng. Ở Argá, Ấn Độ. Nó được xem là một công trình nghệ thuật nổi bật. → outstanding /aʊt'stændɪŋ/ (a): nổi bật Xét các đáp án: A. noticeable /'nəʊtɪsəbl/ (a): đáng chú ý, dễ nhận thấy B. attractive /ə'træktɪv/ (a): thu hút C. unexceptional /ʌnɪk'sepʃənl/ (a): không nổi bật, bình thường D. significant /sɪɡ'nɪfɪkənt/ (a): đáng kể, quan trọng
56	D	Tạm dịch: Được công nhận là Di sản Thế giới vào năm 1983, Khu phức hợp Taj Mahal, bao gồm cả lăng mộ, nhà thờ Hồi giáo, nhà khách và cổng chính, đã bảo tồn được những phẩm chất ban đầu của các tòa nhà. → original /ə'rɪdʒənl/ (a): gốc, ban đầu Xét các đáp án: A. initial (a): ban đầu, lúc đầu

		B. ancient /'eɪnfənt/ (a): cổ, cũ C. unique /ju:'ni:k/ (a): độc nhất, duy nhất D. latest /'leɪtɪst/ (a): mới nhất
57	B	Tạm dịch: Dù đã được xây dựng cách đây gần 500 năm, nhà thờ vẫn giữ được sự nguyên vẹn. → intact /ɪn'tækt/ (a): còn nguyên vẹn Xét các đáp án: A. in perfection: trong sự hoàn hảo B. in ruins: trong đồng đổ nát C. in chaos: trong hỗn loạn D. in completion: hoàn thành
58	B	Tạm dịch: Các phần đá chính của Thành cổ nhà Hồ vẫn còn nguyên nhờ các kỹ thuật xây dựng độc đáo. → unique /ju:'ni:k/ (a): độc nhất, duy nhất Xét các đáp án: A. special /'speʃəl/ (a): đặc biệt B. common /'kɒmən/ (a): phổ biến C. excellent /'eksələnt/ (a): rất giỏi, xuất sắc D. ancient /'eɪnfənt/ (a): cổ, cũ
59	C	Tạm dịch: Hoàng thành Thăng Long được xây dựng lần đầu tiên vào thời nhà Lý và sau đó được mở rộng bởi các triều đại tiếp theo. → subsequent /'sʌbsɪkwənt/ (a): xảy ra sau, đến sau Xét các đáp án: A. following /'fɒləʊɪŋ/ (pre): sau B. successive /sək'sesɪv/ (a): liên tục, liên tiếp C. preceding /pri'si:d/ (a): xảy ra trước, đến trước D. next/nekst / [a] (pre): kế tiếp, tiếp theo
60	B	Tạm dịch: Kim Tự Tháp Ai Cập Giza là một trong những kỳ quan nhân tạo nổi tiếng nhất trên thế giới. → man-made /mæn'meɪd/ (a): nhân tạo Xét các đáp án: A. artificial /ɑ:'tɪfɪʃl/ (a): nhân tạo B. natural /'nætʃrəl/ (a): tự nhiên C. modern /'mɒdn/ (a): hiện đại D. eternal /ɪ'tɜ:nəl/ (a): vĩnh viễn
ĐỌC ĐIỀN		
61	B	A. reputation /repju'teɪʃn/ (n): sự nổi tiếng B. status /'steɪtəs/ (n): địa vị, danh hiệu (chỉ sự công nhận của một tổ chức) C. position /pə'zɪʃən/ (n): vị trí (công việc, xã hội) D. rank /ræŋk/ (n): cấp bậc (chỉ thứ hạng) Tạm dịch: "The United Nations (U.N.) decided on April the 30th to give the famous mountain UNESCO World Heritage status." (Liên Hợp Quốc đã quyết định trao

		danh hiệu di sản thế giới UNESCO cho ngọn núi nổi tiếng vào ngày 30 tháng 4.)
62	A	A. sacred /'seɪkrɪd/ (a) : <i>linh thiêng</i> B. religious /rɪ'lɪdʒəs/ (a) : <i>thuộc tôn giáo</i> C. superstitious /su:pə'stɪʃəs/ (a) : <i>mê tín</i> D. spiritual /'spɪrɪtʃuəl/ (a) : <i>(thuộc) tinh thần</i> Tạm dịch: "Fuji-san (as Japanese people call it) has been a (62) sacred mountain for more than 1,000 years. Priests say that when you climb it, you move from the "everyday world" at the bottom, to the "world of gods, Buddha and death" at the top." ("Fuji-san (theo cách gọi của người Nhật) đã là một ngọn núi linh thiêng trong hơn 1.000 năm. Các linh mục nói rằng khi bạn leo lên, bạn di chuyển từ "thế giới hàng ngày" ở phía dưới, đến "thế giới của các vị thần, Phật và cái chết" ở trên đỉnh.")
63	C	A. wash up: <i>rửa bát đĩa</i> B. wash down: <i>gột sạch (vết bẩn)</i> C. wash away: <i>cuốn trôi, rửa tội</i> D. wash over: <i>trôi giạt</i> Tạm dịch: "They believe people can wash away their sins by climbing to the top and coming back down again". (Người ta tin rằng con người có thể gột rửa tội lỗi của mình bằng việc leo lên đỉnh và trở xuống).
64	B	A. Therefore: <i>vì vậy, vì thế</i> B. Moreover: <i>hơn nữa, thêm vào đó</i> C. However: <i>tuy nhiên</i> D. Yet: <i>vẫn chưa, ấy thế mà</i> Tạm dịch: “ _____, Mount Fuji is a major tourist destination.” (Thêm vào đó, núi Phú Sĩ còn là một điểm đến du lịch nổi tiếng.) Câu này dùng để nối tiếp ý của đoạn 1 với đoạn 2
65	D	A. beautify /'bjʊ:tɪfaɪ/ (v): <i>làm đẹp</i> B. beautiful /'bjʊ:təfʊl/ (a): <i>đẹp</i> C. beautifully /'bjʊ:təfʊli/ (adv): <i>hết sức đẹp đẽ</i> D. beauty /'bjʊ:ti/ (n): <i>vẻ đẹp</i> Căn cứ vào danh từ its (là tính từ sở hữu) trong bài, cùng với quy tắc theo sau tính từ sở hữu là danh từ nên chỉ có D. beauty là phù hợp.
ĐỌC HIỂU		
66	D	Đoạn văn chủ yếu thảo luận thông tin nào sau đây? A. Gustave Eiffel - kỹ sư của tháp B. Vật liệu sử dụng trong xây dựng tháp Eiffel C. Chức năng của tháp Eiffel D. Tháp Eiffel và thiết kế của nó Căn cứ thông tin toàn bài, khái quát để có ý chính: When Gustave Eiffel's company built Paris' most recognizable monument for the 1889 World's Fair, many regarded the massive iron structure with skepticism. Today, the Eiffel Tower, which continues to serve an important role in television

		and radio broadcasts, is considered an architectural wonder and attracts more visitors than any other paid tourist attraction in the world. <i>(Khi công ty Gustave Eiffel xây dựng tượng đài dễ nhận biết nhất của Paris cho Hội chợ Thế giới 1889, nhiều người nhìn nhận cơ cấu sắt khổng lồ ấy với sự hoài nghi. Ngày nay, Tháp Eiffel tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong các chương trình phát thanh và truyền hình, được xem là một kỳ quan kiến trúc và thu hút nhiều khách thăm quan hơn bất kỳ điểm du lịch mất phí nào khác trên thế giới.)</i>
67	A	Theo đoạn 1, lý do xây dựng tháp Eiffel là gì? A. Thành phố Paris cần một tượng đài có thể nhận biết được cho Hội chợ Thế giới 1889. B. Công ty của Gustave Eiffel muốn xây dựng một cấu trúc sắt lớn. C. Cần thiết xây dựng một tòa tháp để phát sóng truyền hình và phát thanh. D. Tháp được xây dựng để thu hút nhiều du khách đến Paris hơn. Căn cứ thông tin đoạn 1: When Gustave Eiffel's company built Paris' most recognizable monument for the 1889 World's Fair, many regarded the massive iron structure with skepticism. <i>(Khi công ty Gustave Eiffel xây dựng tượng đài dễ nhận biết nhất của Paris cho Hội chợ Thế giới 1889, nhiều người nhìn nhận cơ cấu sắt khổng lồ ấy với sự hoài nghi.)</i>
68	B	Từ "granted" trong đoạn 1 gần nghĩa nhất với từ_____. A. chấp nhận B. trao cho C. cho phép D. thừa nhận Kiến thức từ vựng và từ đồng nghĩa: to grant (trao cho) = to award The commission was granted to Eiffel et Compagnie, a consulting and construction firm owned by the acclaimed bridge builder, architect and metals expert Alexandre-Gustave Eiffel. <i>(Công việc đã được trao cho Eiffel et Compagnie, một công ty tư vấn và xây dựng thuộc sở hữu của chuyên gia xây dựng cầu, kiến trúc sư và chuyên gia kim loại nổi tiếng Alexandre-Gustave Eiffel.)</i>
69	C	Theo đoạn 2, điều nào sau đây KHÔNG được nhắc đến như là nghề nghiệp của Alexandre-Gustave Eiffel? A. Người xây dựng cầu B. Kiến trúc sư C. Kỹ sư kết cấu D. Chuyên gia kim loại Căn cứ thông tin đoạn 2: The commission was granted to Eiffel et Compagnie, a consulting and construction firm owned by the acclaimed bridge builder, architect and metals expert Alexandre-Gustave Eiffel. <i>(Công việc đã được trao cho Eiffel et Compagnie, một công ty Tư vấn và Xây dựng thuộc sở hữu của chuyên gia xây dựng cầu, kiến trúc sư và chuyên gia kim loại nổi tiếng Alexandre-Gustave Eiffel.)</i>
70	B	Từ "which" trong đoạn 4 chỉ_____ A. tòa nhà Chrysler B. tòa nhà Empire State C. chiều cao của cấu trúc D. một ăng-ten Kiến thức ngữ pháp và cấu trúc câu: height by 65 feet, making it taller than the Chrysler Building but not the Empire

		State Building, which had surpassed its neighbor in 1931. Initially, only the Eiffel Tower's second-floor platform was open to the public; later, all three levels, two of which now feature restaurants, would be reachable by stairway or one of eight elevators. (Năm 1957, một ăng-ten được lắp thêm vào làm tầng chiều cao của cấu trúc thêm 65 feet, cao hơn tòa nhà Chrysler nhưng không cao hơn tòa nhà Empire State, đã vượt qua công trình gần đó vào năm 1931. Ban đầu, chỉ có tầng hai của Tháp Eiffel được mở cho công chúng; sau đó, cả ba tầng mà hai trong số đó hiện có các nhà hàng, có thể tiếp cận được bằng cầu thang hoặc một trong tám thang máy.)
71	A	Theo đoạn 3, lý do tại sao Gustave Eiffel bác bỏ kế hoạch ban đầu của Koechlin cho tháp? A. Gustave Eiffel muốn có thêm chi tiết trang trí cho thiết kế của tháp. B. Kế hoạch ban đầu của Koechlin đòi hỏi quá nhiều vật liệu. C. Kế hoạch sử dụng cấu trúc mắt cáo mang tính biểu tượng. D. Kế hoạch thiết kế một tòa tháp không đủ cao. Căn cứ thông tin đoạn 3: Eiffel reportedly rejected Koechlin's original plan for the tower, instructing him to add more ornate flourishes. (Eiffel đã bác bỏ kế hoạch ban đầu của Koechlin cho tòa tháp, hướng dẫn ông thêm những chi tiết trang trí công phu hơn.)
72	C	Từ "allegedly" trong đoạn cuối có thể được thay thế bằng_____ A. học giả B. chính thức C. báo cáo D. dự kiến Kiến thức từ vựng và từ đồng nghĩa: allegedly (được cho là) = reportedly The novelist Guy de Maupassant, for example, allegedly hated the tower so much that he often ate lunch in the restaurant at its base, the only vantage point from which he could completely avoid glimpsing its looming silhouette. (Ví dụ như nhà tiểu thuyết Guy de Maupassant được cho là ghét tòa tháp nhiều đến mức ông thường ăn trưa tại nhà hàng ở tầng trệt, điểm thích hợp duy nhất mà từ đó ông hoàn toàn có thể tránh được cái bóng lơ mờ của tháp.)
73	D	Theo đoạn văn, thông tin nào sau đây về Tháp Eiffel là ĐÚNG? A. Alexandre-Gustave Eiffel là người đã đưa ra và tinh chỉnh thiết kế của tháp. B. Tháp được hoàn thành vào tháng 3 năm 1889, cao gần 1.000 mét và là công trình cao nhất thế giới. C. Ban đầu, chỉ có hai tầng của Tháp Eiffel mở cửa cho công chúng. D. Không phải tất cả người dân Paris đều có suy nghĩ tích cực về Tháp Eiffel. Căn cứ thông tin các đoạn: Đoạn 2: While Eiffel himself often receives full credit for the monument that bears his name, it was one of his employees - a structural engineer named Maurice Koechlin-who came up with and fine-tuned the concept. Several years earlier, the pair had collaborated on the Statue of Liberty's metal armature. (Trong khi bản thân Eiffel thường nhận được những lời ca ngợi cho đài tưởng niệm mang tên ông, thì một trong những nhân viên của ông - một kỹ sư kết cấu có tên Maurice Koechlin mới là người đã đưa ra và tinh chỉnh thiết kế này. Vài năm

		trước, cặp đôi này đã cộng tác trên phần kim loại của Tượng Nữ thần Tự do.) Đoạn 3: Several hundred workers spent two years assembling the framework of the iconic lattice tower, which at its inauguration in March 1889 stood nearly 1,000 feet high, and was the tallest structure in the world - a distinction it held until the completion of New York City's Chrysler Building in 1930. <i>(Hàng trăm công nhân đã mất hai năm để lắp ráp cấu trúc tháp lưới mang tính biểu tượng cao gần 1.000 feet, và là cấu trúc cao nhất thế giới tại lễ khai trương vào tháng 3 năm 1889 - một công trình đặc biệt cho đến khi hoàn thành Tòa nhà Chrysler của thành phố New York.)</i> Đoạn 3: Initially, only the Eiffel Tower's second-floor platform was open to the public; later, all three levels, two of which now feature restaurants, would be reachable by stairway or one of eight elevators. <i>(Ban đầu, chỉ có tầng hai của Tháp Eiffel được mở cho công chúng; sau đó, cả ba tầng mà hai trong số đó hiện có các nhà hàng, có thể tiếp cận được bằng cầu thang hoặc một trong tám thang máy.)</i> Đoạn cuối: Many Parisians either feared it was structurally unsound or considered it an eyesore. <i>(Nhiều người Paris sợ rằng nó có cấu trúc không chắc chắn hoặc coi đó là một sự chướng mắt.)</i>
--	--	---